

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 1976/2024/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.538.852.737.895	1.837.282.771.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.425.829.284	376.864.985.966
1. Tiền	111		17.925.829.284	365.364.985.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	11.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.492.413.821.316	1.457.334.248.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.468.305.023	28.374.208.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.942.463.430	850.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	441.248.213.151	499.242.995.632
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.054.297.584.787	963.409.788.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	490.268.859	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		490.268.859	490.268.859
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.522.818.436	2.593.268.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.675.000	19.675.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		798.846.111	906.296.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.821.906.299.883	4.730.602.732.159
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		371.174.200.000	385.680.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.3	371.174.200.000	385.680.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.179.572.107	3.500.751.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.179.572.107	3.500.751.303
- Nguyên giá	222		6.481.427.016	6.481.427.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.301.854.909)	(2.980.675.713)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		417.919.139	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		417.919.139	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.445.881.298.436	4.339.597.498.436
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	4.445.881.298.436	4.339.597.498.436
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.253.310.201	1.824.482.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.253.310.201	1.824.482.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.360.759.037.778	6.567.885.503.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.753.041.924.643	3.973.272.100.508
I. Nợ ngắn hạn	310		566.511.242.841	1.701.288.441.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	14.509.655.860	173.482.957.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.875.433.358	464.708.675.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.150.438.935	239.288.274
4. Phải trả người lao động	314		49.521.428	618.721.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	564.005.323
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	519.027.212.859	718.160.298.399
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	23.257.281.037	341.805.406.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.641.699.364	1.709.088.269
II. Nợ dài hạn	330		3.186.530.681.802	2.271.983.658.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.186.530.681.802	2.271.983.658.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.607.717.113.135	2.594.613.403.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	2.607.717.113.135	2.594.613.403.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		584.298.764.554	571.195.054.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		467.790.439.415	407.818.608.772
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		116.508.325.139	163.376.445.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.360.759.037.778	6.567.885.503.622


 Phùng Thị Thắm
 Người lập biểu


 Lương Thị Thu Yên
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Chính
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.682.212.033	4.767.618.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		3.682.212.033	4.767.618.932
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.288.906.194	3.280.068.558
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(606.694.161)	1.487.550.374
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	260.113.955.120	234.899.864.316
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	138.088.082.711	116.514.327.048
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.088.082.711	116.514.327.048
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.910.483.248	5.494.833.733
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		116.508.695.000	114.378.253.909
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		369.861	-
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(369.861)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		116.508.325.139	114.378.253.909
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		116.508.325.139	114.378.253.909


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	116.508.325.139	114.378.253.909
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	321.179.196	142.374.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(260.113.955.120)	(234.899.864.316)
Chi phí lãi vay	06	138.088.082.711	116.514.327.048
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.196.368.074)	(3.864.909.231)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(2.177.470.054)	2.094.953.149
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(417.919.139)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.232.868.930)	(7.035.623.586)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	534.172.222	1.269.664.780
Tiền lãi vay đã trả	14	(120.833.174.336)	(90.919.202.563)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.649.175.000)	(1.271.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(131.972.803.311)	(99.726.117.451)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(460.370.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.694.200.000)	(105.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	120.194.782.481	29.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.532.087.785)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	73.700.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	89.572.807.361	80.922.112.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	135.541.302.057	77.961.742.885
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	445.749.959.505	67.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(397.048.084.933)	(29.392.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(385.709.530.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(337.007.655.428)	37.608.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(333.439.156.682)	15.843.625.434
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	376.864.985.966	37.822.587.227
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	43.425.829.284	53.666.212.661


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 31 và 28 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	30/06/2024				01/01/2024				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)		
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	89%	89%	0%	89%	89%	0%	89%	0%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	0%	51%	51%	0%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	50,36%	50,71%	0%	50,36%	50,71%	0%	50,71%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	0%	51%	51%	0%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	0%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ* (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.925.829.284	365.364.985.966
Các khoản tương đương tiền	25.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	43.425.829.284	376.864.985.966

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	5.171.421.118	5.077.324.945
Phải thu các bên khác	23.296.883.905	23.296.883.905
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Các khách hàng khác	9.768.622.966	9.768.622.966
Cộng	28.468.305.023	28.374.208.850

3. Phải thu về cho vay

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1) (i)	441.248.213.151	499.242.995.632
b. Dài hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1) (i)	369.980.000.000	385.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	1.194.200.000	-
	371.174.200.000	385.680.000.000
Tổng cộng phải thu về cho vay	812.422.413.151	884.922.995.632

(i) Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản sau đây:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII) theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 441.248.213.151 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 400 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2025. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 351.980.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)

- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 50 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 3 năm 2026. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,4%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 18.000.000.000 đồng.

- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	958.482.391.753	788.195.192.955
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.726.287.785	-
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	9.700.088.561	9.446.139.600
Các khoản phải thu khác	11.113.016.688	11.014.656.173
Cộng	1.054.297.584.787	963.409.788.728
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	1.015.443.529.630	952.375.603.788

- (i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	-
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Số đầu kỳ	(34.542.745.075)	(32.938.403.577)
Xóa nợ trong kỳ	-	89.006.505
Số cuối kỳ	(34.542.745.075)	(32.849.397.072)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dờ dang	490.268.859	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc,	Phương tiện vận	Thiết bị,	Tài sản cố định	Cộng
	và vật kiến trúc	thiết bị	tải, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	hữu hình khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	689.488.888	6.481.427.016
Tại ngày 30/06/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	689.488.888	6.481.427.016
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	811.943.184	38.364.165	2.032.465.291	69.174.368	28.728.705	2.980.675.713
Khấu hao trong kỳ	3.568.992	32.883.570	209.914.824	17.354.400	57.457.410	321.179.196
Tại ngày 30/06/2024	815.512.176	71.247.735	2.242.380.115	86.528.768	86.186.115	3.301.854.909
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	42.816.472	422.005.835	2.340.216.781	34.952.032	660.760.183	3.500.751.303
Tại ngày 30/06/2024	39.247.480	389.122.265	2.130.301.957	17.597.632	603.302.773	3.179.572.107

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.726.044.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.970.210.813.365	-	-	137.312.319	1.863.927.013.365	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	28.700.000	607.325.833.333	-	-	28.700.000	607.325.833.333	-	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		335.996.028.454	-	-		335.996.028.454	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	-		242.278.623.284	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng		4.445.881.298.436				4.339.597.498.436		

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.177.915.885	1.703.851.512
Thiết bị, dụng cụ quản lý xuất dùng	75.394.316	120.630.908
Cộng	1.253.310.201	1.824.482.420

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>		
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	850.000.000	159.623.301.802
Phải trả các bên khác	13.659.655.860	13.859.655.860
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.936.146.416	2.136.146.416
Cộng	14.509.655.860	173.482.957.662

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	476.098.580	463.309.341.171
Các khách hàng khác	1.399.334.778	1.399.334.778
Cộng	1.875.433.358	464.708.675.949

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	2.537.940.937	414.754.704	2.123.186.233
Thuế thu nhập cá nhân	239.288.274	840.974.213	1.053.009.785	27.252.702
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	239.288.274	3.382.915.150	1.471.764.489	2.150.438.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Phải trả khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	109.549.509.355
Cổ tức phải trả	96.427.382.500	385.709.530.000
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	86.048.430.133	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	4.446.133.743	348.991.439
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.565.621.128	2.565.620.605
Các khoản phải trả khác	10.136.000	6.647.000
	519.027.212.859	718.160.298.399
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	3.179.230.681.802	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	3.186.530.681.802	2.271.983.658.739
Cộng	3.705.557.894.661	2.990.143.957.138
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	3.652.132.676.033	2.806.073.843.533

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản nhận vốn góp và lợi nhuận phải trả với giá trị lần lượt là 892.510.000.000 đồng và 9.167.073.970 đồng cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 901.677.073.970 đồng;
- Khoản nhận vốn góp và lợi nhuận phải trả với giá trị lần lượt là 750.000.000.000 đồng và 10.728.356.163 đồng cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 760.728.356.163 đồng;
- Khoản nhận vốn góp từ Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 981.250.000.000 đồng;p
- Khoản vốn nhận hợp tác từ Công ty CII với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 621.623.681.802 đồng để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuế tài chính

	30/06/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty CII (i)	23.257.281.037	23.257.281.037	59.749.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	-	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319
Cộng	23.257.281.037	23.257.281.037	59.749.959.505	54.615.784.614	341.805.406.465	341.805.406.465
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319	323.682.300.319
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-	-	-	(323.682.300.319)	(323.682.300.319)
Cộng	-	-	-	323.682.300.319	-	-
Tổng cộng các khoản vay	23.257.281.037	23.257.281.037	59.749.959.505	378.298.084.933	341.805.406.465	341.805.406.465

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản vay hỗ trợ vốn từ Công ty CII, chi tiết như sau:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2024 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 6.154.724.582 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 10.800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	114.378.253.909	114.378.253.909
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.674.999.368)	(2.674.999.368)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.337.499.684)	(1.337.499.684)
Tại ngày 30/06/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	1.100.761.157.681	3.124.179.506.262
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	164.711.050.852	164.711.050.852
Chia cổ tức	-	-	-	(694.277.154.000)	(694.277.154.000)
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	116.508.325.139	116.508.325.139
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)
Tại ngày 30/06/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	584.298.764.554	2.607.717.113.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại của năm 2023 với tỷ lệ là 5% bằng tiền mặt

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.682.212.033	4.811.324.391
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	-	(43.705.459)
Cộng	3.682.212.033	4.767.618.932

Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần	3.682.212.033	4.767.618.932

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.1*)

	3.682.212.033	4.419.001.383
--	---------------	---------------

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.288.906.194	3.280.068.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	211.838.828.367	196.251.537.839
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.275.126.753	38.648.326.477
Cộng	260.113.955.120	234.899.864.316
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.1</i>)	259.777.040.227	221.565.397.145

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	138.088.082.711	116.514.327.048
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.1</i>)	137.806.080.049	84.322.553.380

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.627.726.651	1.746.563.677
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.209.162	333.082.123
Chi phí khấu hao	654.473.052	383.657.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.032.457	1.358.994.203
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.232.041.926	1.672.535.812
Cộng	4.910.483.248	5.494.833.733
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.1</i>)	-	780.217.000

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.508.325.139	114.378.253.909
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	27.908.903.033	20.166.338.316
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(211.838.828.367)	(196.251.537.839)
Thu nhập chịu thuế	(67.421.600.195)	(61.706.945.614)
Thu nhập tính thuế	(67.421.600.195)	(61.706.945.614)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

Công ty con

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận

Công ty con

Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu

Công ty con

Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận

Công ty con

Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII

Công ty con

Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Công ty con

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

Công ty con đầu tư gián tiếp

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại -

Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Hương Trà

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú

Công ty liên kết của tập đoàn

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.794.282.694	1.724.726.521
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.398.286.511	1.398.286.511
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	317.567.840	304.027.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	11.000.000	-
Cộng	5.171.421.118	5.077.324.945
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	441.248.213.151	499.242.995.632
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	351.980.000.000	378.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	18.000.000.000	6.700.000.000
Cộng	811.228.213.151	884.922.995.632
Phải thu ngắn hạn khác		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	958.482.391.753	788.195.192.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	444.311.160.600	401.303.533.507
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	367.799.224.046	255.727.035.906
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	141.371.982.107	131.164.623.542
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	5.000.025.000	-
Lãi phải thu	9.685.337.877	9.426.610.833
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	9.685.337.877	9.426.610.833
Phải thu khác	47.275.800.000	154.753.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.015.443.529.630	952.375.603.788
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	458.961.171
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	-	462.850.380.000
Cộng	476.098.580	463.309.341.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo)

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.265.279.111.935	2.264.683.658.739
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	901.677.073.970	892.804.343.670
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	760.728.356.163	756.878.767.123
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	981.250.000.000	615.000.547.946
Công ty CII	621.623.681.802	-
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
Lợi nhuận nhận trước	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	109.549.509.355	109.549.509.355
Cổ tức phải trả	52.877.921.000	211.511.684.000
Công ty CII	52.877.921.000	211.511.684.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	4.446.133.743	348.991.439
Công ty CII	4.446.133.743	348.991.439
Cộng	3.652.132.676.033	2.806.073.843.533

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty CII		
Chi trả cổ tức trong kỳ	211.511.684.000	-
Cổ tức đã chia	52.877.921.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	32.156.164.384	-
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	40.968.381.564	-
Chi phí lãi vay	1.584.608.052	84.322.553.380
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	11.500.000.000	37.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	55.109.462.431	-
Lãi cho vay	27.651.614.805	8.758.770.908
Thanh toán lãi vay	-	67.000.000.000
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Lợi nhuận được chia	112.072.188.140	102.308.465.889
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	59.700.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	32.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	19.138.105.000	15.601.593.056
Nhận thanh toán lãi	18.879.377.956	10.196.146.391
Cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.275.902.433	354.238.181
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Lợi nhuận được chia	76.059.256.662	32.070.769.989
Nhận thanh toán lợi nhuận	33.051.629.569	-
Cung cấp dịch vụ	600.000.000	579.679.656
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	-	13.080.000.000
Thu tiền phụ cấp hội đồng thành viên	-	600.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	136.363.636
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Cung cấp dịch vụ	436.363.638	327.272.728
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận trước tiền hoàn vốn góp	-	73.700.000.000
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Cổ tức được chia	18.707.358.565	61.872.301.961
Nhận tiền cổ tức	8.500.000.000	47.233.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	25.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	13.700.000.000	2.000.000.000
Lãi phát sinh trong kỳ	1.101.642.740	119.256.986
Nhận thanh toán lãi	1.101.642.740	119.256.986
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	35.342.466	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	67.000.000.000
Chi phí hợp tác đầu tư	45.305.274.739	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Chi phí hợp tác đầu tư	39.784.931.506	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	386.000.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	18.750.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	51.131.265.752	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Mua dịch vụ	-	780.217.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	985.188.867	799.035.019
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	583.783.125	450.057.331
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	-	203.153.187
Bà Lương Thị Thu Yến Cộng	Kế toán trưởng	366.979.708 1.935.951.700	281.377.976 1.733.623.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	139.545.000	-
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	69.772.000	-
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	167.454.000	-
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	139.545.000	-
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	139.545.000	-
Ông Lê Văn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	93.328.333	-
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	46.216.667	-
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	139.545.000	-
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	139.545.000	-
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	41.860.000	-
Cộng		1.116.356.000	-
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	74.125.667	-
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	37.510.333	-
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	83.727.000	-
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	83.727.000	-
Cộng		279.090.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con (i)	26.532.087.785	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	445.749.959.505	57.026.449.681
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	323.682.300.319	29.392.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	73.365.784.614	57.026.449.681

(i) Tiền chi đầu tư vào công ty con trong kỳ không bao gồm số tiền 106 tỷ, là số tiền dùng để chi đầu tư vào công ty con nhưng đã được thanh toán trong kỳ trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào khoản mục tăng, giảm các khoản phải thu (mã số 09) thay vì được trình bày vào dòng tiền Chi góp vốn vào đơn vị khác (mã số 25) trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ.

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng.


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024